TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/DS-ST
Ngày: 09-01-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Bằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Thanh Khen.

2/ Ông Nguyễn Văn Nghĩa.

-Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Ái Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 –Vĩnh Long.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1-Vĩnh Long: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1-Vĩnh Long xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 324/2025/TLST- DS ngày 11 tháng 11 năm 2025, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 292/2025/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 596/2025/QĐST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thu H, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: 1/ Ông Thái Văn Đ, sinh năm 1954 (xin vắng mặt)

2/ Ông Thái Văn T, sinh năm: 1978 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp L, xã L, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà

Võ Thu H trình bày:

Bà và ông Đ, ông T là hàng xóm với nhau. Vào ngày 11/10/2022, cha con ông Đ, ông T có vay của bà số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, hứa 03 tháng sẽ trả, khi vay ông Đ có đưa cho bà giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 95, tờ bản đồ số 18 diện tích 1.589,8m^2, tọa lạc xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, do ông Thái Văn Đ đứng tên quyền sử dụng đất. Việc vay tiền có làm hợp đồng, có chữ ký của ông Đ, ông T.

Đến tháng 12/2022 ông T có mượn thêm của bà số tiền 20.000.000 đồng, nhưng không có làm biên nhận mượn tiền.

Từ khi vay tiền đến nay ông Đ, ông T không có trả gốc, cũng không trả tiền lãi cho bà.

Bà yêu cầu ông Đ, ông T trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng, tính lãi suất 1%/tháng, thời gian từ ngày 11/10/2022 đến ngày xét xử. Bà đồng ý trả lại cho ông Đ quyền sử dụng đất thửa 95, tờ bản đồ số 18 diện tích 1.589,8m^2, tọa lạc xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Yêu cầu ông T trả cho bà số tiền 20.000.000 đồng, tính lãi suất 1%/tháng, thời gian từ ngày 01/12/2022 đến ngày xét xử.

-*Bị đơn ông Thái Văn T trình bày:* Vào ngày 11/10/2022, ông và cha ông là ông Đ có vay của bà H số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, hứa 03 tháng sẽ trả. Ngoài ra tháng 12/2022 ông có vay thêm của bà số tiền 20.000.000 đồng. Do làm ăn thất bại nên ông chưa có tiền trả cho bà H.

Đối với thửa đất nêu trên cha ông có cho ông một phần diện tích 150m^2. Ông cũng có kêu chuyển nhượng thửa đất nêu trên để trả tiền cho bà H nhưng chưa chuyển nhượng được.

Ông cũng đồng ý trả cho bà H số tiền 120.000.000 đồng và đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của bà H.

-*Ông Thái Văn Đ có bản khai ý kiến trình bày:* Vào ngày 11/10/2022, ông và con trai là T có vay của bà H số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, hứa 03 tháng trả, khi vay có giao cho bà H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 95, tờ bản đồ số 18 diện tích 1.589,8m^2, tọa lạc xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là: xã L) để làm tin.

Ông cũng đồng ý cùng với T trả cho bà H số tiền 100.000.000 đồng, đồng ý trả lãi suất 1%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 11/10/2022 đến ngày xét xử, yêu cầu bà H trả lại ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi ông trả tiền xong cho bà H. Do công việc nên ông xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi vụ án được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

-*Ý kiến của bà H tại phiên Tòa:* Bà H vẫn bảo lưu ý kiến yêu cầu ông Đ, T trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng, chỉ tính lãi từ ngày 11/10/2022 đến ngày 11/12/2025 là 38 tháng, số tiền lãi là 38.000.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 138.000.000 đồng.Tiền lãi từ ngày 12/12/2025 đến ngày 09/01/2026 bà H không yêu cầu. Bà H đồng ý trả lại cho ông Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi ông Đ, ông T trả tiền xong cho bà.

Yêu cầu ông T trả cho bà số tiền 20.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng, chỉ tính lãi từ ngày 01/12/2022 đến ngày 01/01/2026 là 37 tháng, số tiền lãi là 7.400.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 27.400.000 đồng. Tiền lãi từ ngày 02/01/2026 đến ngày 09/01/2026 bà H không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Bị đơn là ông Thái Văn Đ có đơn xin giải quyết vắng mặt; ông Thái Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Đ, ông T.

[1.2]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ, bị đơn có địa chỉ xã L, tỉnh Vĩnh Long, đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1-Vĩnh Long, theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Yêu cầu bị đơn ông Thái Văn Đ, ông Thái Văn T trả số tiền vay 100.000.000 đồng; yêu cầu ông T trả cho bà số tiền 20.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Hợp đồng cầm cố tài sản ngày 11/10/2022 (các bên thừa nhận là hợp đồng vay tiền) được ký kết giữa bà Võ Thu H và ông Thái Văn Đ, Thái Văn T được lập thành văn bản, có chữ ký, chữ viết của các đương sự, được bà H, ông Đ, ông T thừa nhận. Do đó hợp đồng vay tiền có hiệu lực.

[2.2]. Theo hợp đồng: Ông Đ, ông T có vay của bà H số tiền 100.000.000 đồng, các bên không có thỏa thuận về thời hạn trả tiền, không thỏa thuận về lãi suất, nhưng trong quá trình giải quyết nguyên đơn, bị đơn thừa nhận thời hạn trả tiền là 03 tháng, lãi suất 1%/tháng. Ông Đ và ông T đã nhận đủ tiền, đến nay

ông Đ ông T chưa trả tiền gốc cho bà H.

[2.3]. Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định *" Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn",* bà H chứng minh được ông Đ, ông T có vay của bà 100.000.000 đồng và được ông Đ, ông T thừa nhận. Ông Đ, ông T cũng đồng ý trả cho bà H số tiền nêu trên, nên buộc ông Đ, ông T trả cho bà H số tiền 100.000.000 đồng.

Ngoài ra ông T cũng có vay của bà H số tiền 20.000.000 đồng, tuy không có biên nhận, nhưng được ông T thừa nhận và đồng ý trả tiền, nên buộc ông T trả cho bà H số tiền 20.000.000 đồng.

[2.4]. Về lãi suất: Bà H yêu cầu ông Đ, ông T trả cho bà tiền lãi trên số tiền gốc 100.000.000 đồng, thời gian tính lãi lãi từ ngày 11/10/2022 đến ngày 11/12/2025 là 38 tháng, lãi suất 1%/tháng, số tiền 38.000.000 đồng.

Yêu cầu ông T trả cho bà tiền lãi trên số tiền gốc 20.000.000 đồng, thời gian tính lãi từ ngày 01/12/2022 đến ngày 01/01/2026, là 37 tháng, số tiền lãi là 7.400.000 đồng

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hợp đồng vay tiền giữa bà H, ông Đ, ông T có thỏa thuận về lãi suất là 1%/tháng.

Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định *" Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản vay"*

Bà H yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Buộc ông Đ, ông T trả cho bà H tiền lãi là 38.000.000 đồng trên số tiền gốc 100.000.000 đồng. Buộc ông T phải trả cho bà H tiền lãi là 7.400.000 đồng trên số tiền gốc 20.000.000 đồng.

[2.5]. Khi ông Đ, ông T vay tiền của bà H, ông Đ có giao cho bà H giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó buộc bà H phải trả cho ông Đ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 95, tờ bản đồ số 18 diện tích 1.589,8m^2, tọa lạc xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (Nay là: xã L, tỉnh Vĩnh Long).

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án án phí theo quy định. Ông Đ là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí, nên miễn toàn bộ tiền án phí cho ông Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thu H.

Buộc bị đơn ông Thái Văn Đ, ông Thái Văn T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Võ Thu H số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 38.000.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là: 138.000.000 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu đồng).

Buộc bị đơn ông Thái Văn T trả cho nguyên đơn bà Võ Thu H số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng, tiền lãi là 7.400.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc, tiền lãi là: 27.400.000 đồng (Hai mươi bảy triệu, bốn trăm ngàn đồng).

2. Buộc nguyên đơn bà Võ Thu H trả lại cho bị đơn ông Thái Văn Đ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 95, tờ bản đồ số 18 diện tích 1.589,8m^2, tọa lạc xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (Nay là: xã L, tỉnh Vĩnh Long).

3. Về án phí: Buộc bị đơn ông Thái Văn T phải chịu 4.820.000 đồng (Bộn triệu, tám trăm hai mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn toàn bộ tiền án phí cho ông Thái Văn Đ.

Bà Võ Thu H thuộc trường hợp miễn tiền tạm ứng án phí.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Quyền kháng cáo: Án xử có mặt nguyên đơn, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7,

Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh Vĩnh Long;
-VKS ND Khu vực 1-Vĩnh Long;
-Phòng THADS Khu vực 1-Vĩnh Long;
-Nguyên đơn;
-Bị đơn;
-Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Võ Công Bằng